CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 34/EB/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 0839958368 Fax: 0839958423

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **BÁNH QUY VANI SỮA HIỆU KOKOLA**

2. Thành phần: Bột mì, đường, dầu thực vật, bột sữa (3%), tinh bột bắp, đường fructose, chất tạo xốp (Amoni hydro carbonat, Natri hydro carbonat), muối, chất nhũ hóa: lecithin, hương giống tự nhiên (sữa, vani), chiết xuất vani (0,002%).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 400 g; 2,4 kg.
- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong túi nhựa tráng nhôm, bên ngoài là hộp nhựa PP, ngoài cùng là thùng carton.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất bởi: PT. MEGA GLOBAL FOOD INDUSTRY; Gresik 61177, Indonesia.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (*xem bản đính kèm*)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QĐ 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

1. Chỉ tiêu độc tố vi nấm: (Áp dụng theo QCVN 8-1:2011/BYT)

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	4
3	Ochratoxin A	µg/kg	3
4	Deoxynivalenol	µg/kg	500
5	Zearalenone	µg/kg	50
6	Fumonisin	µg/kg	1000
7	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

2. Chỉ tiêu kim loại nặng: (Áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT)

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,2
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2

3. Chỉ tiêu vi sinh vật: (Áp dụng theo QĐ 46/2007/QĐ-BYT)

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	*Coliforms*	CFU/g	10
3	*E.coli*	CFU/g	3
4	*S.aureus*	CFU/g	10
5	*Cl.perfringens*	CFU/g	10
6	*B.cereus*	CFU/g	10
7	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10^2

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

NGUYỄN THỊ THẢO

Director - International Import

Giám Đốc Nhập Khẩu Quốc Tế

THÔNG TIN NHÃN PHỤ

BÁNH QUY VANI SỮA HIỆU KOKOLA

Thành phần: Bột mì, đường, dầu thực vật, bột sữa (3%), tinh bột bắp, đường fructose, chất tạo xốp (Amoni hydro carbonat, Natri hydro carbonat), muối, chất nhũ hóa: lecithin, hương giống tự nhiên (sữa, vani), chiết xuất vani (0,002%).

Cảnh báo: Sản phẩm có chứa gluten, sữa, đậu nành, có thể chứa trứng.

Khối lượng tịnh: 400 g.

Dùng ăn trực tiếp. Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát và tránh ánh nắng trực tiếp.

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:

Sản xuất bởi: PT. MEGA GLOBAL FOOD INDUSTRY; Gresik 61177, Indonesia

Nhập khẩu và phân phối bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB; số 163 đường Phan Đăng Lưu, P.1, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Số tự công bố: 34/EB/2019

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB
M.S.D.N: 0105696842 - C.T.T.N.H.H
QUẬN PHÚ NHUẬN - T.P HỒ CHÍ MINH

THÔNG TIN NHÃN PHỤ

BÁNH QUY VANI SỮA HIỆU KOKOLA

Thành phần: Bột mì, đường, dầu thực vật, bột sữa (3%), tinh bột bắp, đường fructose, chất tạo xốp (Amoni hydro carbonat, Natri hydro carbonat), muối, chất nhũ hóa: lecithin, hương giống tự nhiên (sữa, vani), chiết xuất vani (0,002%).

Cảnh báo: Sản phẩm có chứa gluten, sữa, đậu nành, có thể chứa trứng.

Khối lượng tịnh: 2,4 kg.

Dùng ăn trực tiếp. Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát và tránh ánh nắng trực tiếp.

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:

Sản xuất bởi: PT. MEGA GLOBAL FOOD INDUSTRY; Gresik 61177, Indonesia

Nhập khẩu và phân phối bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB; số 163 đường Phan Đăng Lưu, P.1, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Số tự công bố: 34/EB/2019

M.S.D.N: 0105696842 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB
Q. PHÚ NHUẬN - T.P HỒ CHÍ MINH

Kokola
Milky Vanilla
Cookies
kukis rasa susu vanila
P-IRT NO 206352100018-19
Berat Bersih/Net. Weight : 400 g (14.1 oz)
ISO 22000
www.kokola.co.id
INFORMASI NILAI GIZI
NUTRITION FACTS
Takaran saji / Serving size : 30g
Jumlah sajian per kemasan / Serving Per Container : 13
Jumlah per sajian / Amount Per Serving
Energi total / Calories 130 kcal
Energi dari lemak / Calories from fat 40 kcal
%AKG / Daily value
Lemak total / Total fat 4g 6%
Lemak jenuh / Saturated fat 3g 17%
Protein / Protein 2g 3%
Karbohidrat total / Total carbohydrate 22g 7%
Serat makanan / Dietary fiber 1g 4%
Gula / Sugars 7g
Natrium / Sodium 75mg 3%
8 999389 124139

Job Title: KARDUS BUCKET COOKIES BISCUIT 400g	Actual Size : ✓ open ☐ close 520 mm x 340 mm x 170 mm	Time of Revision : ✓ ☐ ☐ ☐ ☐	
Client : PT. UNIMOS - KOKOLA, Indonesia	Print Scale : 100%	Print Date: 06.02.2015	Colour Separation : ■ ■ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
Designer: Ozan KOKOLA			

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB
M.S.D.N: 0105696842-C.T.T.N.H.H
Q.PHÚ NHUẬN - T.P HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD
PTN & VP Nhận mẫu 1: 39A, Đường số 4, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP. HCM
Laboratory & Office 1 : 39A, 4th street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, Ho Chi Minh city
VP Nhận mẫu 2 : 224 Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Office 2 : 224 Dien Bien Phu, ward 7, district 3, Ho Chi Minh city
Tel : (028) 39158936, (028) 3827 7986 Fax : (028) 3824 7013
Email : ktclviettin@gmail.com Web : kiemnghiemviettin.com

Việt Tín
KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

Số/ *No*: 16672 1912-1/KQ
Mã số/ *Code*: 2648 1911VT2
Mã số mẫu/ *Sample code*: 9922 1911VT2
Trang/ *Page: 1/ 2*

VILAS 1074 VIMCERTS 211

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Tên khách hàng/ *Client* : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**

Địa chỉ/ *Address* : Số 163, đường Phan Đăng Lưu, phường 01, quận Phú Nhuận, TP. HCM.

Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 27/11/2019 **Ngày trả kết quả/ *Date of issue*** : 05/12/2019

Loại mẫu/ *Kind of sample* : Bánh **Số lượng mẫu/ *Quantity of sample*** : 01 mẫu

Tên mẫu/ *Name of sample* : **BÁNH QUY VANI SỮA HIỆU KOKOLA**

Tình trạng mẫu/ *State of sample* : Đóng hộp thành phẩm

STT/ *No.*	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ *PARAMETERS*	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ *TESTING METHOD*	KẾT QUẢ/ *RESULT*	ĐƠN VỊ TÍNH/ *UNIT*
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) (I)	TCVN 4884 – 1: 2015 (ISO 4833 – 1: 2013)	$4,0x10^1$	CFU/g
2	Coliforms (*) (I)	TCVN 6848 : 2007 (ISO 4832 : 2006)	Không phát hiện (LOD=10)	CFU/g
3	*E. coli* (*) (I)	TCVN 7924 – 3 : 2017 (ISO 16649 – 3 : 2015)	0	MPN/g
4	*B. cereus* (*) (I)	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)	CFU/g
5	*C. perfringens* (*) (I)	TCVN 4991 : 2005 (ISO 7937 : 2004)	Không phát hiện (LOD=10)	CFU/g
6	*S. aureus* (*) (I)	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)	CFU/g
7	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc (*) (I)	TCVN 8275 – 2 : 2010 (ISO 21527 – 2 : 2008)	Không phát hiện (LOD=10)	CFU/g
8	Cadimi (Cd) (*) (I)	AOAC 999.11	Không phát hiện (LOD=0,0015)	mg/kg
9	Chì (Pb) (*) (I)	AOAC 999.11	Không phát hiện (LOD=0,01)	mg/kg
10	Aflatoxin B1	TCVN 9522 : 2012	Không phát hiện (LOD=1)	µg/kg
11	Aflatoxin B1B2G1G2	TCVN 9522 : 2012	Không phát hiện (LOD=1)	µg/kg

CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD
PTN & VP Nhận mẫu 1: 39A, Đường số 4, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP. HCM
Laboratory & Office 1 : 39A, 4th street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, Ho Chi Minh city
VP Nhận mẫu 2 : 224 Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Office 2 : 224 Dien Bien Phu, ward 7, district 3, Ho Chi Minh city
Tel : (028) 39158936, (028) 3827 7986 Fax : (028) 3824 7013
Email : ktclviettin@gmail.com Web : kiemnghiemviettin.com

Việt Tín
KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

Số/ *No*: 16672 1912-1/KQ
Mã số/ *Code*: 2648 1911VT2
Mã số mẫu/ *Sample code*: 9922 1911VT2
Trang/ *Page: 2/ 2*

VILAS 1074 VIMCERTS 211

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

STT/ *No.*	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ *PARAMETERS*	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ *TESTING METHOD*	KẾT QUẢ/ *RESULT*	ĐƠN VỊ TÍNH/ *UNIT*
12	Ochratoxin A	Ref. TCVN 8426 : 2010	Không phát hiện (LOD=1)	µg/kg
13	Deoxynivalenol (DON)	Ref. EN 15791 : 2009	Không phát hiện (LOD=50)	µg/kg
14	Zearalenone (ZON)	TCVN 10640 : 2014	Không phát hiện (LOD=10)	µg/kg
15	Aflatoxin M1 (s/c)	HD.TN.217 (Ref. Anal. Bioanal Chem. (2010) 397:765-776)	Không phát hiện (LOD=0,15)	µg/kg
16	Fumonisin B1, B2 (s/c)	Ref. Anal. Bioanal Chem. (2010) 397,765-776	Không phát hiện (LOD=100/ mỗi chất)	µg/kg

Ghi chú/ *Notes*:

Kết quả phân tích có các chỉ tiêu phù hợp theo QĐ 46/2007/QĐ-BYT (Ngũ cốc dùng trực tiếp, không qua xử lý nhiệt trước khi sử dụng): Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, QCVN 8-1:2011/BYT (Ngũ cốc và sản phẩm chế biến từ ngũ cốc): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, QCVN 8-2:2011/BYT (Ngũ cốc): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *The results are valid only for testing sample.*
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ *Name of samples as the client's requirement.*
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Time- limit of storage: 5 days from reporting date.*
LOD: Giới hạn phát hiện / *LOD: Limit of Detection.*
(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ *Items was accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).*
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ *(s/c): Items are tested by subcontractor.*
(I): Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Y Tế / *Items were designated by Ministry of Health.*

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN

ThS. Nguyễn Văn Tâm